

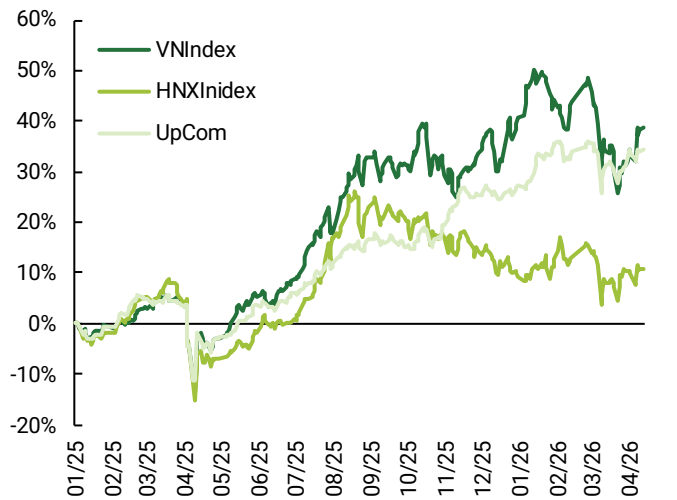
**VN-Index** **1758.96 (0.51%)**  
 940 Tr. cổ phiếu 22627.6 Tỷ VND (-8.62%)

**HNX-Index** **251.66 (-0.10%)**  
 78 Tr. cổ phiếu 1435.4 Tỷ VND (-12.39%)

**UPCOM-Index** **127.7 (0.25%)**  
 38 Tr. cổ phiếu 534.1 Tỷ VND (-40.80%)

**VN30F1M** **1932.20 (0.06%)**  
 224,014 HD OI: 35,228 HD

### % Hiệu suất của các chỉ số từ năm 2025



### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1759.0, tăng +9.0 điểm (+0.51%). Thanh khoản giảm với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. Sắc đỏ chi phối ở VN30, HNXIndex.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Áp lực bán chiếm ưu thế trong phiên, song, nhóm Vingroup trở lại vai trò dẫn dắt giúp chỉ số giữ được sắc xanh. Diễn biến địa chính trị tiếp tục là yếu tố chi phối tâm lý thị trường.
- Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Bất động sản: VHM (+1.5%), NVL (+2.4%), VIC (+5.5%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GMD (+1.0%), GEX (+3.6%) | Xây dựng và Vật liệu: DPG (+3.4%), CII (+6.7%) | Tiện ích: NT2 (+1.3%), GEG (+2.3%). Diễn biến yếu trong phiên: Ngân hàng: LPB (-2.7%), SHB (-2.6%), VPB (-1.5%) | Hóa chất: GVR (-3.1%), DPR (-1.2%) | Thực phẩm và đồ uống: ANV (-2.2%), PAN (-1.7%), MSN (-1.3%) | Dịch vụ tài chính: FTS (-0.7%), SSI (-0.7%).
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, VHM, BSR, VPX, GEX - Chiều giảm | VCB, GVR, LPB, BID, VPB
- Khối ngoại Bán ròng hơn 90 tỷ đồng, tập trung nhiều ở FPT, VCB, VPB, trong khi mua ròng VNM, VIC, HPG.

### GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên trong sắc xanh nhờ sự nâng đỡ của nhóm cổ phiếu trụ lớn. Độ rộng thị trường bước đầu suy yếu nhưng chưa rõ nét, cần theo dõi thêm ở các phiên sau. Điểm tích cực là thanh khoản hạ nhiệt và mặt bằng cổ phiếu vẫn vận động trên vùng hỗ trợ ngắn hạn, cho thấy cung bán chưa gây áp lực lớn. Các chỉ báo động lượng MACD, RSI cũng giữ đà đi lên, chưa phát tín hiệu đảo chiều. Chỉ số khả năng tiếp tục tích lũy thêm trong vùng 1730 - 1760 điểm nhằm tái tạo đà. Mục tiêu cao hơn của nhịp hồi là hướng tới mốc tâm lý 1800 điểm, trong khi hỗ trợ gần được nâng lên quanh mốc 1680 - 1700 điểm.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số tiếp tục giằng co trong biên độ 248 - 254 mang tính tích lũy. Mục tiêu cao hơn cho nhịp hồi là ngưỡng 264, trong khi hỗ trợ gần hiện là ngưỡng 246.
- **Chiến lược:** NĐT có thể cân nhắc giải ngân trở lại với tỷ trọng thăm dò cho các vị thế ngắn hạn, ưu tiên tín hiệu điều chỉnh trong phiên hơn là mua đuổi. Diễn biến địa chính trị vẫn là biến số chi phối thị trường và còn nhiều yếu tố khó lường phía trước; do đó, quản trị rủi ro cần được song hành với hoạt động giải ngân. Các nhóm ngành đáng chú ý gồm Ngân hàng, Tiêu dùng, Đầu tư công và Bất động sản.

### CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Mua HPG (Xem tiếp tại trang 7)

### Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
<b>Theo chỉ số</b>												
VN-Index	1,759.0	0.5%	5.0%	3.7%	22,627.6	-8.6%	26.3%	-17.6%	939.9	-8.9%	40.6%	-8.2%
HNX-Index	251.7	-0.1%	2.7%	2.4%	1,435.4	-12.4%	24.8%	-42.2%	78.1	-13.5%	30.6%	-37.2%
UPCOM-Index	127.7	0.3%	1.5%	2.4%	534.1	-40.8%	17.4%	-54.8%	37.6	-48.5%	20.7%	-48.1%
VN30	1,925.7	-0.1%	4.9%	3.9%	10,739.1	-18.0%	14.7%	-18.6%	346.5	-19.6%	30.4%	-6.9%
VNMID	2,254.8	0.5%	6.6%	4.3%	9,698.1	-1.3%	36.9%	-17.8%	428.8	-1.0%	33.2%	-17.5%
VNSML	1,423.9	-0.1%	2.5%	0.5%	1,236.8	11.6%	40.3%	-22.9%	83.9	6.8%	31.9%	-22.4%
<b>Theo ngành (VNIndex)</b>												
Ngân hàng	632.5	-0.9%	5.10%	3.6%	6,891.6	-24.46%	-0.2%	1.8%	315.5	-20.0%	10.7%	11.2%
Bất động sản	796.2	3.4%	5.5%	14.4%	3,512.5	11.0%	-11.1%	-14.1%	141.6	0.5%	-18.3%	-11.4%
Dịch vụ tài chính	322.9	0.3%	3.9%	4.6%	3,107.3	-1.1%	-13.5%	-16.4%	137.2	-1.5%	-14.0%	-16.6%
Công nghiệp	280.6	0.9%	3.7%	15.0%	1,235.6	3.1%	1.1%	-15.4%	31.4	-9.7%	-4.2%	-23.0%
Tài nguyên cơ bản	543.9	-0.6%	4.8%	3.3%	811.1	-29.8%	-43.3%	-34.0%	34.9	-23.6%	-39.0%	-32.9%
Xây dựng - Vật Liệu	182.8	0.5%	3.2%	8.5%	2,018.1	46.2%	36.7%	26.9%	100.3	48.5%	39.0%	33.5%
Thực phẩm	506.2	-0.4%	-6.3%	-30.2%	1,018.7	-10.8%	-14.9%	-31.4%	23.6	-6.6%	-11.9%	-29.5%
Bán Lẻ	1,523.0	-0.5%	2.2%	2.9%	527.2	-30.8%	-29.4%	-44.3%	7.2	-24.3%	-28.9%	-45.2%
Công nghệ	410.8	-2.0%	4.6%	-1.7%	770.4	57.7%	24.0%	-5.9%	11.0	56.5%	15.7%	-9.0%
Hóa chất	182.1	-1.6%	3.3%	-3.0%	585.7	-35.5%	-14.6%	-52.9%	16.3	-32.1%	-12.5%	-48.3%
Tiện ích	766.7	0.2%	1.4%	-8.1%	791.4	45.4%	55.2%	10.4%	25.0	10.1%	21.9%	-16.4%
Dầu khí	111.6	1.2%	1.7%	-20.3%	585.3	-42.0%	-11.2%	-45.6%	19.2	-42.1%	-13.2%	-40.5%
Dược phẩm	430.7	-0.7%	-2.0%	-2.1%	106.2	110.1%	95.3%	109.2%	3.1	76.6%	73.0%	67.9%
Bảo hiểm	116.0	-1.6%	-8.8%	6.9%	49.7	-64.4%	-37.7%	-37.7%	1.0	-59.1%	-48.1%	-40.2%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

### Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,750.0	0.77%	-1.9%	16.1x	2.1x
SET-Index	Thái Lan	1,507	1.15%	19.6%	16.9x	1.4x
JCI-Index	Indonesia	7,458	2.07%	-13.7%	17.3x	1.9x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,413	0.44%	0.9%	16.4x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	6,098	0.14%	0.7%	9.4x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,986	0.51%	0.4%	16.6x	1.5x
Hang Seng	Hồng Kông	25,894	0.55%	1.0%	13.3x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	56,924	1.84%	13.1%	21.8x	2.7x
S&P 500	Mỹ	6,825	0.62%	-0.3%	26.7x	5.3x
Dow Jones	Mỹ	48,186	0.58%	0.3%	23.9x	5.5x
FTSE 100	Anh	10,644	0.38%	7.2%	16.9x	2.4x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,946	0.84%	2.7%	17.2x	2.5x
DXY		98.8	-0.36%	0.5%		
USDVND		26,331	0.023%	0.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

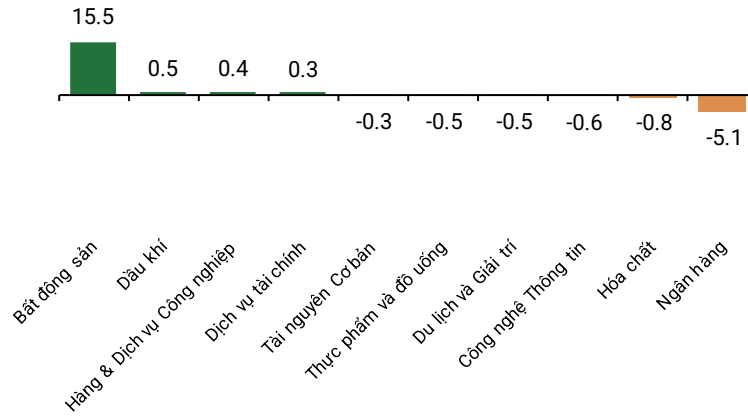
### Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa	% Thay đổi giá			
	1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	0.2%	9.4%	57.9%	51.7%
Dầu WTI	0.6%	18.0%	71.5%	64.0%
Khí gas	0.0%	-11.6%	-27.5%	-24.9%
Than cốc (*)	0.0%	3.6%	0.0%	9.9%
Thép HRC (*)	0.0%	0.9%	0.6%	-0.6%
PVC (*)	-7.5%	0.4%	10.4%	2.4%
Phân Urea (*)	5.6%	21.4%	95.1%	109.2%
Cao su thiên nhiên	-1.3%	1.9%	12.8%	22.6%
Bông Cotton	2.5%	12.5%	14.3%	10.5%
Đường	-2.0%	-3.1%	-7.1%	-23.1%
World Container Index	0.9%	17.9%	4.3%	1.9%
Baltic Dirty tanker Index	0.0%	25.1%	177.3%	225.7%
Vàng	-0.24%	-8.4%	10.1%	49.7%
Bạc	0.23%	-14.5%	5.4%	141.8%

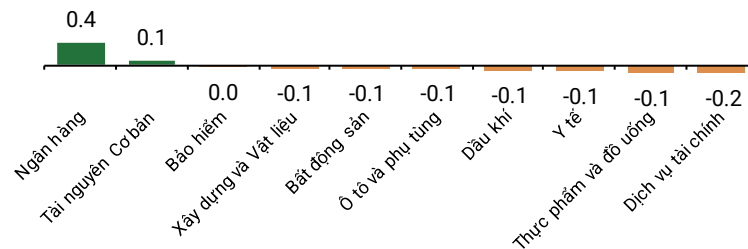
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (\*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

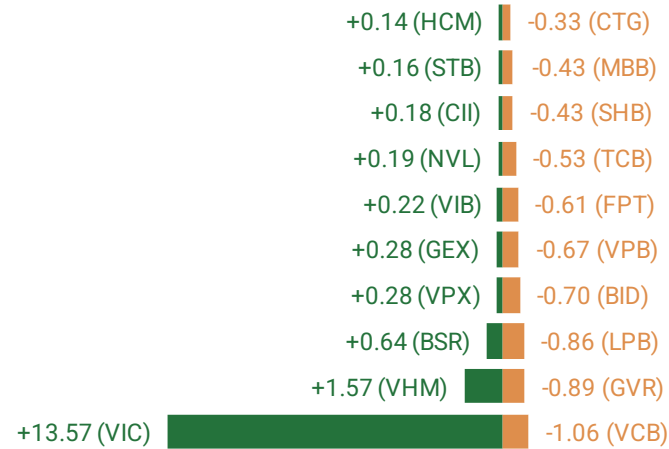
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



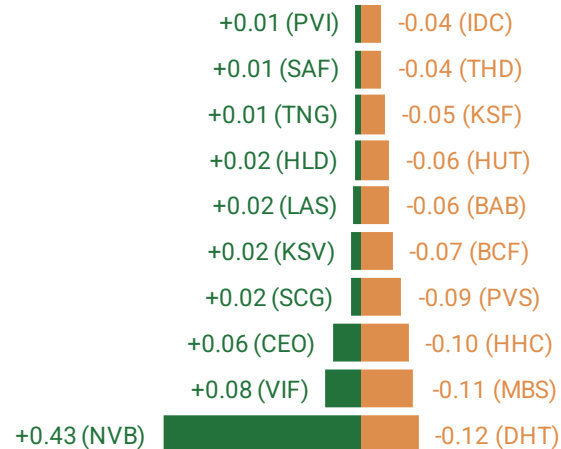
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

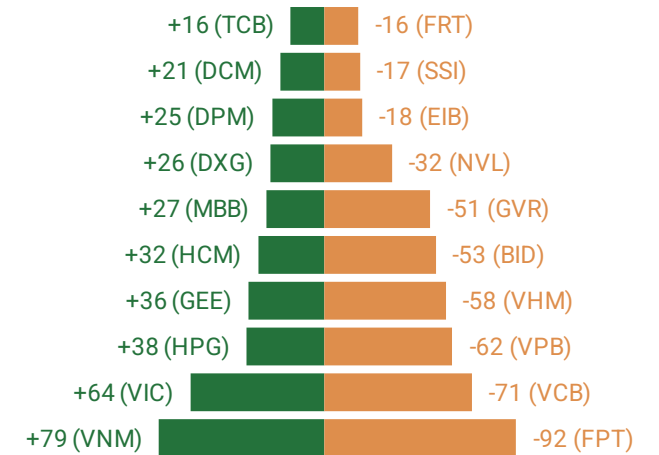


### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

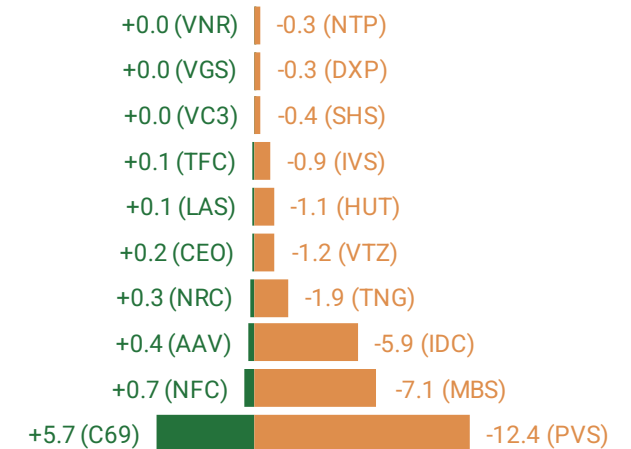


## BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

### TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



### TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	SHB	CII	FPT	HPG	VIC
%DoD	-2.6%	6.7%	-2.2%	-0.7%	5.5%
Giá trị	1,732	768	732	644	638

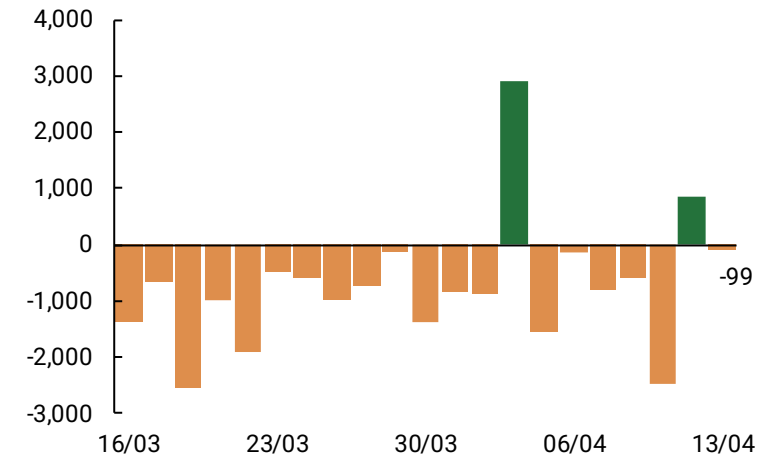
### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	EIB	TDM	VPB	BWE	HCM
%DoD	-0.6%	1.0%	-1.5%	0.0%	2.4%
Giá trị	697	266	233	197	186

## BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



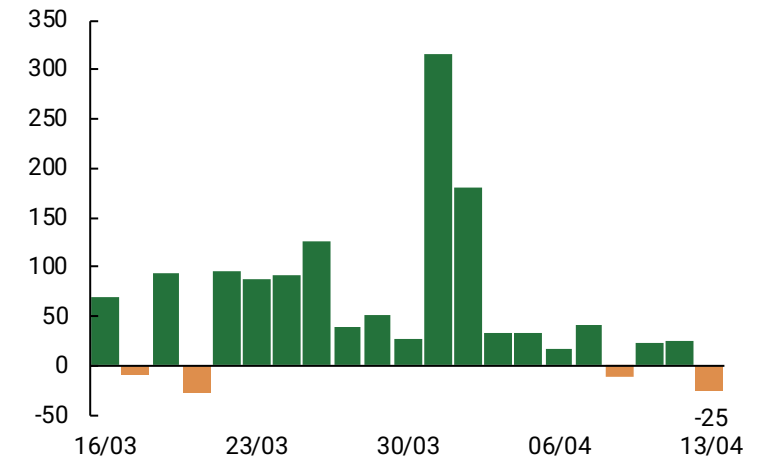
	SHS	CEO	PVS	IDC	MBS
%DoD	0.0%	1.2%	-0.8%	-0.4%	-1.0%
Giá trị	439	265	112	110	81

### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	HUT	DVM	SHS	TIG	AAV
%DoD	-0.6%	2.9%	0.0%	0.0%	4.2%
Giá trị	35	7	1	1	0

### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





### Góc nhìn kỹ thuật VNINDEX

- ✓ Nến xanh, vol ngang mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1680 - 1700.
- ✓ Kháng cự: 1800.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI cải thiện
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong xu hướng điều chỉnh.

**Kịch bản:** Thanh khoản dù hạ nhiệt song vẫn giữ mức cao so với bình quân, hàm ý lực cầu được duy trì tốt. Các chỉ báo động lượng cũng giữ đà đi lên, chưa phát tín hiệu đảo chiều. Chỉ số khả năng tiếp tục tích lũy thêm trong vùng 1730 – 1760 điểm nhằm tái tạo đà. Mục tiêu cao hơn của nhịp hồi là hướng tới mốc tâm lý 1800 điểm, trong khi hỗ trợ gần được nâng lên quanh mốc 1680 – 1700 điểm.



### Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Biến động sideways, vol ngang mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1840 - 1860.
- ✓ Kháng cự: 1950 | 2000.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong xu hướng điều chỉnh.

**Kịch bản:** Trạng thái tiếp tục rung lắc kiểm định quanh khu vực MA50 ngày (ứng với ngưỡng 1920 điểm) nhằm tái tạo đà. Nếu lực cầu duy trì tốt, mục tiêu có thể hướng tới mốc 2000 điểm. Hỗ trợ gần được nâng lên quanh mốc 1840 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio	
Ticker	<b>HPG</b>	<b>BUY</b>	Current price		<b>27.8</b>	P/E (x)	13.8
Exchange	HOSE		Action price	14/04	<b>27.5 - 27.8</b>	P/B (x)	1.7
Sector	Steel		Target price		<b>31</b>	EPS	2012.9
			Cut loss		<b>26</b>	ROE	12.7%
						Stock Rating	BB
						Scale Market Cap	Large



## TÍN HIỆU KỸ THUẬT

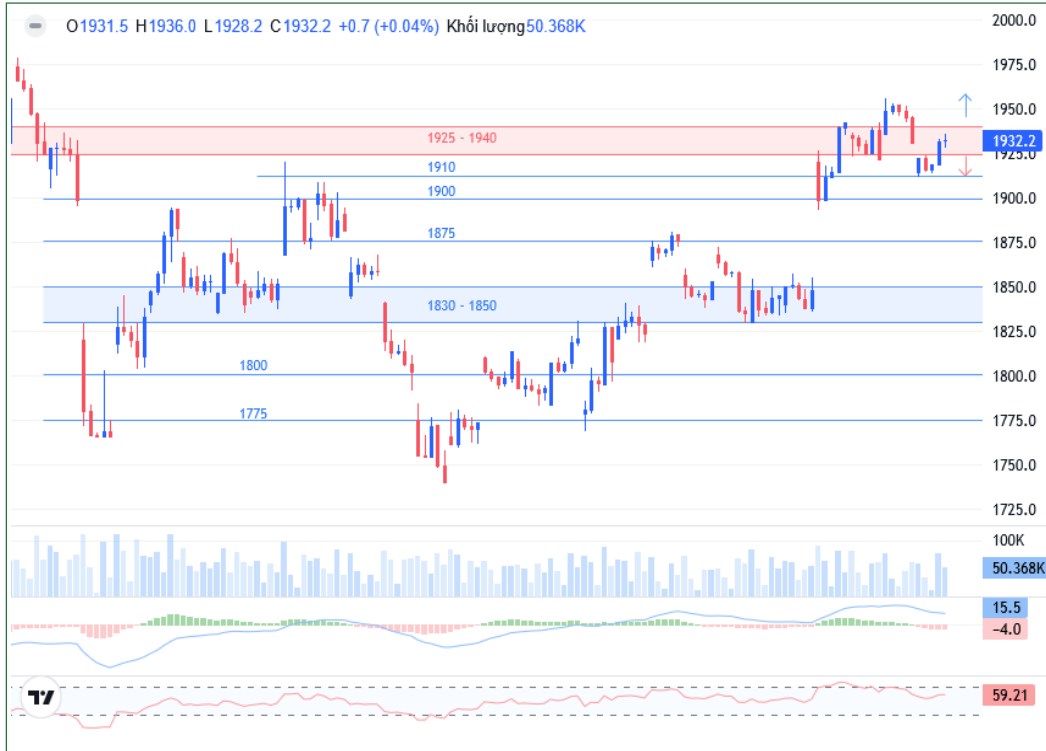
- Giá trở lại vận động trên MA50 và MA20 ngày.
  - Chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu, cùng với RSI cũng cải thiện lên trên mức trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
  - Thanh khoản hạ nhiệt trong phiên giảm cho thấy lực cung suy giảm.
  - MA20 cắt lên MA50 củng cố vị thế trung hạn.
- ➔ Xu hướng điều chỉnh lành mạnh nhằm kiểm định hỗ trợ.
- ➔ Khuyến nghị Mua, cân nhắc khi giá điều chỉnh về khu vực hỗ trợ cận 27.5

### Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủ ro giảm	Ghi chú
1	HPG	Mua	14/04/2026	27.80	27.4 - 27.8	-	31	12.32%	26	-5.80%	

### Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủ ro giảm	Ghi chú
1	NLG	Mua	01/04/2026	-	29.3	28.5 - 29	1.9%	32	11.30%	26.8	-6.78%	
1	SIP	Mua	09/04/2026	-	61.5	60.5 - 61	1.2%	68	11.93%	57	-6.17%	
2	VIB	Mua	09/04/2026	-	17.75	17.1 - 17.3	3.5%	18.7	9.04%	16.3	-4.96%	



### Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1932.2, tăng 1.2 điểm (+0.06%). Thanh khoản tăng nhẹ so với phiên trước và thấp hơn mức bình quân 20 phiên. Giá điều chỉnh đầu phiên nhưng đã sớm cân bằng trở lại và phục hồi vào phiên chiều.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD vẫn cắt xuống đường tín hiệu, song RSI phục hồi lên trên mức trung bình, cho thấy động lượng tăng chưa bị phủ định hoàn toàn. Tín hiệu nghiêng về trung tính và giá có thể trở lại rung lắc trong vùng 1925 – 1940 để kiểm định thêm xu hướng. Vị thế Long cân nhắc khi giá bứt phá và củng cố được trên ngưỡng 1940. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1924, có thể gia tăng nếu giá tiếp tục lùi về dưới ngưỡng 1908.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1861, tăng 2.7 điểm (+0.2%). Độ lệch basis 0.7 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 79 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1845 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1875 điểm.

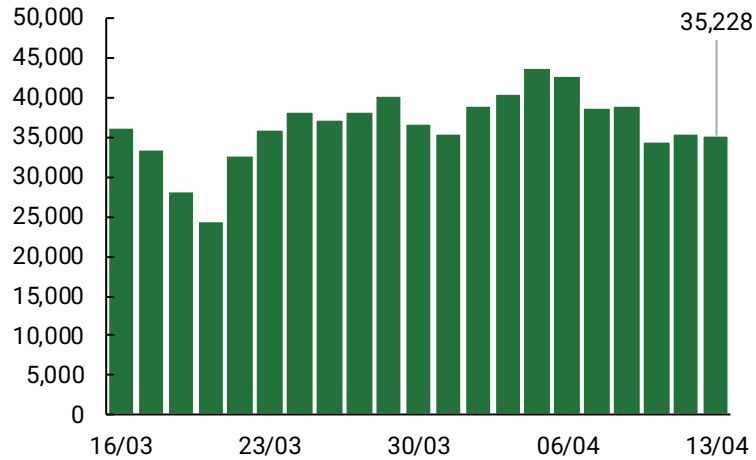
### Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 1940	1955	1932	15 : 8
Short	< 1924	1910	1932	14 : 8
Short	< 1908	1896	1915	12 : 7

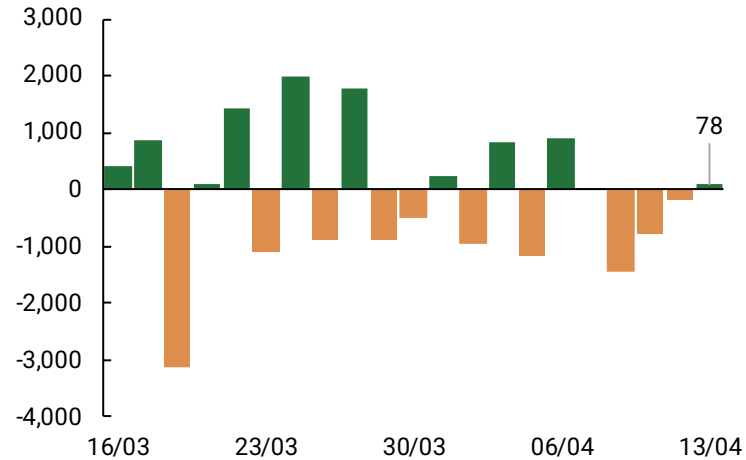
### Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111G9000	1,930.2	7.6	18	307	1,938.2	-8.0	17/09/2026	157
4111G6000	1,931.9	1.7	336	1,961	1,930.9	1.0	18/06/2026	66
4111G5000	1,935.0	2.0	2,722	2,585	1,928.7	6.3	21/05/2026	38
4111G4000	1,932.2	1.2	224,014	35,228	1,925.9	6.3	16/04/2026	3
4112G4000	1,861.0	2.7	79	35	1,860.6	0.4	16/04/2026	3

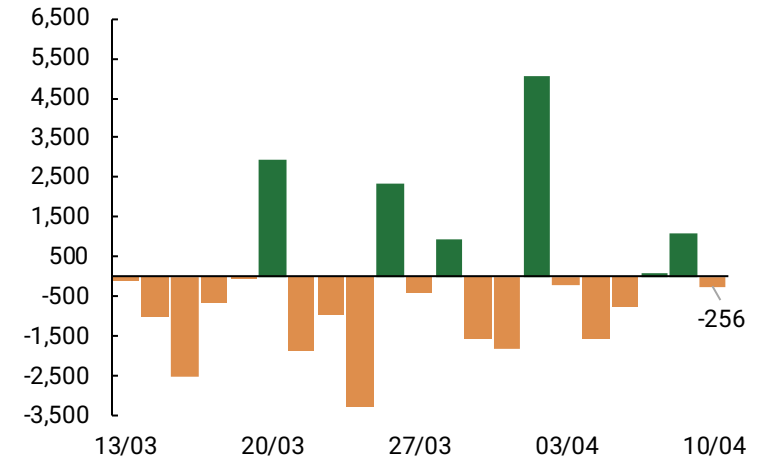
Khối lượng mở (Open interest)



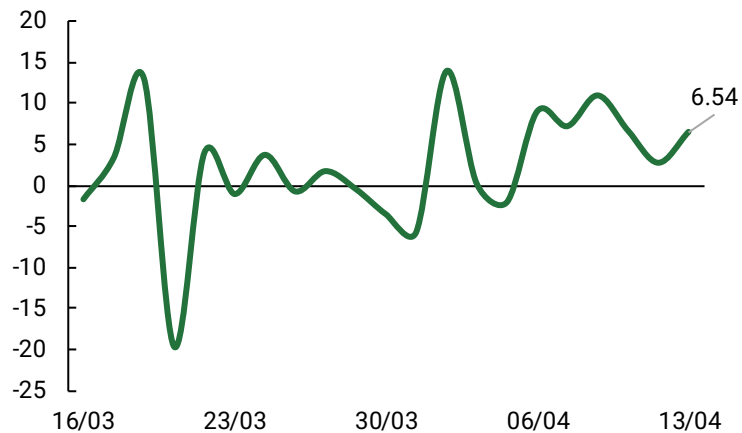
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



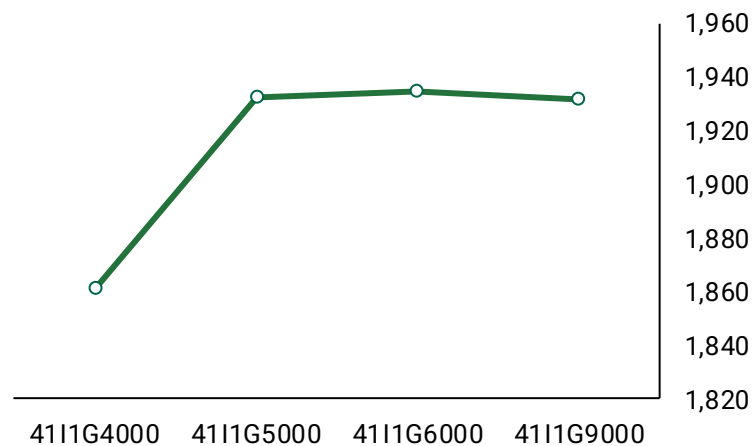
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



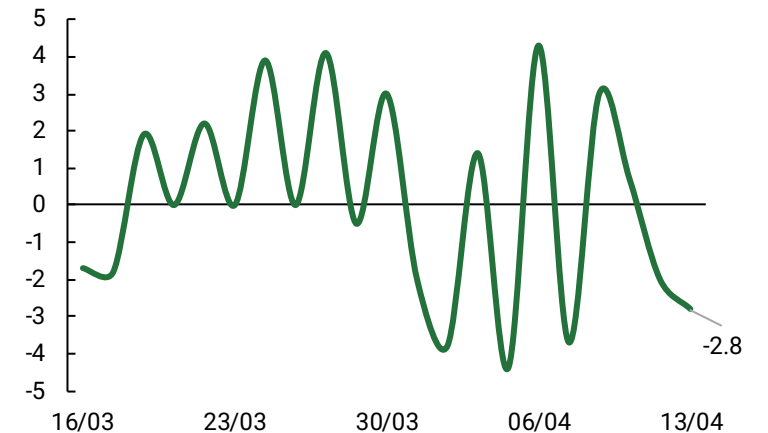
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



- 01/04 Vietnam & US - Chỉ số PMI
- 03/04 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- 05/04 Hàng hóa - Cuộc họp OPEC-JMMC
- 06/04 Việt Nam - Dữ liệu kinh tế vĩ mô  
Mỹ - Thời hạn đàm phán Iran
- 07/04 Việt Nam - FTSE rà soát giữa kỳ
- 09/04 Mỹ - Biên bản cuộc họp FOMC  
Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
- 10/04 Mỹ - Chỉ số CPI, Chỉ số Tâm lý Người tiêu dùng Michigan
- 14/04 Mỹ - Chỉ số PPI
- 16/04 Việt Nam - Đáo hạn phái sinh  
Trung Quốc – GDP Quý 1
- 28/04 Nhật Bản - BOJ họp và công bố lãi suất
- 29 - 30/04 Mỹ - FED họp và công bố lãi suất  
Châu Âu - ECB họp và công bố lãi suất  
Canada - BOC họp và công bố lãi suất

### THÔNG TIN VĨ MÔ

**Quốc hội chốt giảm thuế xăng dầu về 0 đến hết tháng 6:** Nghị quyết về việc ban hành một số quy định về thuế bảo vệ môi trường, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng, dầu và nhiên liệu bay sẽ chính thức có hiệu lực từ ngày 16/4 đến hết ngày 30/6 năm nay.

**Mỹ-Iran không đạt thỏa thuận sau cuộc đàm phán:** Phó Tổng thống Mỹ JD Vance vừa cho biết, sau 21 giờ đàm phán hòa bình tại Islamabad, Pakistan, cả Mỹ và Iran vẫn chưa đạt được thỏa thuận chấm dứt chiến sự. Tương lai sau lệnh ngừng bắn kéo dài hai tuần vì thế vẫn còn bỏ ngõ.

**Trung Quốc sắp cấm xuất khẩu axit sulfuric:** Trung Quốc được cho là sẽ dừng xuất khẩu axit sulfuric từ tháng 5, động thái có thể gia tăng áp lực lên ngành kim loại và phân bón trong bối cảnh nguồn cung nguyên liệu toàn cầu đang bị gián đoạn bởi chiến tranh Iran.

**Ngân hàng trung ương Hàn Quốc giữ nguyên lãi suất lần thứ bảy liên tiếp:** Ngân hàng trung ương Hàn Quốc (BoK) ngày 10/4 đã quyết định giữ nguyên lãi suất cơ bản ở mức 2.5%/năm, đánh dấu lần thứ bảy liên tiếp duy trì chính sách tiền tệ không thay đổi kể từ tháng 7/2025, nhằm ổn định kinh tế trước áp lực lạm phát và biến động tỷ giá trong bối cảnh toàn cầu bất ổn.

### THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

**DCM - Đạm Cà Mau ước lợi nhuận quý I tăng 84%:** Trong Quý I/2026, sản lượng tiêu thụ đạt 465,000 tấn, trong đó xuất khẩu tiếp tục giữ vai trò dẫn dắt để giúp duy trì nhịp độ tăng trưởng ngay cả khi thị trường trong nước chưa phục hồi hoàn toàn. Doanh thu đạt 5,370 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 837 tỷ đồng, đều vượt xa kế hoạch quý. Các con số này lần lượt tăng 58% và 84% so với cùng kỳ năm ngoái. Đây là mức quý I tốt nhất giai đoạn 2023-2026.

**VCK - Chứng khoán VPS báo lãi hơn 1,500 tỷ đồng, tăng 68%:** Trong quý I/2026, VPS ghi nhận tổng doanh thu đạt 2,846 tỷ đồng, tăng 63% so với cùng kỳ năm trước, trong khi lợi nhuận trước thuế đạt 1,547 tỷ đồng, tăng 68% so với quý I/2025. Kết quả này phản ánh sự cải thiện đồng đều ở các mảng hoạt động, cùng với hiệu quả vận hành và khả năng tận dụng lợi thế quy mô của Công ty. Biên lợi nhuận tiếp tục duy trì ở mức cao, cho thấy chất lượng tăng trưởng được củng cố. Đáng chú ý, VPS tiếp tục giữ vững vị trí dẫn đầu thị phần môi giới cổ phiếu trên HOSE với 15.32% trong quý I/2026.

**VIC - Vingroup tăng tốc tại Ấn Độ, nhắm hệ sinh thái 6.5 tỷ USD:** Ngày 10/04, Tập đoàn Vingroup ký biên bản ghi nhớ (MoU) với chính quyền bang Maharashtra (Ấn Độ) để nghiên cứu khoản đầu tư trị giá 6.5 tỷ USD nhằm phát triển hệ sinh thái đa lĩnh vực tại trung tâm tài chính của nước này.

**SHS - PYN Elite gom gần 26 triệu cổ phiếu SHS trong hơn 1 tuần:** Gần đây, quỹ PYN Elite đã tăng số lượng cổ phiếu nắm giữ tại SHS thêm 8 triệu đơn vị, nâng tổng số cổ phiếu nắm giữ từ 62.3 triệu lên 70.3 triệu đơn vị. Tỷ lệ sở hữu tại SHS tăng từ 6.93% lên 7.82% vốn điều lệ. Ngày thay đổi tỷ lệ sở hữu được ghi nhận là 1/4. Từ cuối tháng 3 tới nay, quỹ ngoại này đã mua thêm gần 26 triệu cổ phiếu tương đương giá trị khoảng 436 tỷ đồng.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	70,000	65,400	-6.6%	Giảm tỷ trọng
BCM	55,400	73,400	32.5%	Mua
CTG	34,800	45,200	29.9%	Mua
CTD	82,900	87,050	5.0%	Nắm giữ
CTI	22,800	27,200	19.3%	Tăng tỷ trọng
DBD	50,000	68,000	36.0%	Mua
DDV	28,569	35,900	25.7%	Mua
DGC	54,300	99,300	82.9%	Mua
DGW	45,600	48,500	6.4%	Nắm giữ
DPG	44,200	42,900	-2.9%	Giảm tỷ trọng
DPR	40,700	46,500	14.3%	Tăng tỷ trọng
DRI	12,900	17,200	33.3%	Mua
EVF	13,700	14,400	5.1%	Nắm giữ
FRT	149,000	157,600	5.8%	Nắm giữ
GMD	73,300	77,000	5.0%	Nắm giữ
HAH	54,700	60,300	10.2%	Tăng tỷ trọng
HDG	28,250	34,000	20.4%	Mua
HHV	12,900	12,300	-4.7%	Giảm tỷ trọng
HPG	27,800	34,300	23.4%	Mua
IMP	55,900	55,000	-1.6%	Giảm tỷ trọng
KDH	26,200	38,800	48.1%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MCH	140,000	177,200	26.6%	Mua
MWG	81,300	99,600	22.5%	Mua
NLG	29,300	39,900	36.2%	Mua
NT2	26,550	27,700	4.3%	Nắm giữ
PHR	62,300	72,800	16.9%	Tăng tỷ trọng
PNJ	110,000	113,300	3.0%	Nắm giữ
PVS	39,300	39,900	1.5%	Nắm giữ
PVT	22,450	18,900	-15.8%	Bán
POW	13,100	15,000	14.5%	Tăng tỷ trọng
SAB	45,450	57,900	27.4%	Mua
SSI	28,400	32,100	13.0%	Tăng tỷ trọng
TLG	49,800	50,900	2.2%	Nắm giữ
TCB	31,900	42,400	32.9%	Mua
TCM	24,200	37,900	56.6%	Mua
TRC	72,100	94,800	31.5%	Mua
VCB	59,200	84,200	42.2%	Mua
VPB	26,900	37,000	37.5%	Mua
VCG	22,700	26,200	15.4%	Tăng tỷ trọng
VHC	60,500	60,000	-0.8%	Giảm tỷ trọng
VNM	62,800	66,650	6.1%	Nắm giữ

\* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

### **Đảm bảo phân tích**

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

### **Định nghĩa xếp loại**

**MUA:** Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

**TĂNG TỶ TRỌNG:** Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

**NẮM GIỮ:** Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

**BÁN:** Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

**GIẢM TỶ TRỌNG:** Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

**KHÔNG XẾP HẠNG:** Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

### **Miễn trừ trách nhiệm**

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

### **© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)**

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

#### **Chi nhánh Quận 1**

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

#### **Chi nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

#### **Chi nhánh Quận 3**

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

#### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

#### **Chi nhánh Tân Bình**

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415